

Bản án số: 151/2023/DS-ST
Ngày: 03/8/2023
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Quách Trung Sơn**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè không tham gia phiên tòa.*

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-DS ngày 14/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp AH, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Hoàng A**, Văn phòng luật sư Hoàng A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* - Chị **Trần Thị Bích H2**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp AN, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Lê Công D**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ X, ấp AN, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H1, luật sư A có mặt tại phiên tòa; Chị H2, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H1 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

- Vào năm 2022 bị đơn chị Trần Thị Bích H2 và anh Lê Công D có vay không lãi của chị số tiền là 40.000.000 đồng, vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 02/3/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 29/3/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng

Khi vay chị H2, anh D có viết giấy nợ và thời hạn vay 03 tháng trả vốn, nhưng đến hạn chị H2, anh D không trả tiền.

Nay chị yêu cầu chị H2, anh D liên đới trả chị số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử.

** Theo Tờ tự khai đề ngày 06/7/2023 bị đơn anh Lê Công D trình bày:*

Anh là bạn của chị H2. Vào khoảng tháng 04/2022 anh và chị H2 đi đám cưới chung nên quen biết chị H1 qua chị H2. Anh biết trước đó chị H2 có mượn của chị H1 số tiền 20 triệu đồng, nghe hai bên nói lại, anh không chứng kiến việc giao nhận tiền và sau đó đi uống cà phê chung chị H2 có mượn thêm số tiền 20 triệu. Chị H1 đưa tiền chị H2 anh có chứng kiến thấy và có kêu anh ký và ghi họ tên bên dưới giùm giấy nợ đề ngày 29/3/2022 với tư cách là người làm chứng.

Nay anh chỉ đồng ý trả cho chị H1 số tiền 20 triệu đồng lần vay sau, không đồng ý trả tiền lãi và trả làm 04 lần, mỗi lần trả số tiền là 05 triệu đồng, mỗi lần trả cách nhau 02 tháng, trả lần đầu vào ngày 06/8/2023.

** Bị đơn chị Trần Thị Bích H2 không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

* Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu chị H2, anh D trả số tiền 40.000.000 đồng. Về tiền lãi, chị H1 rút yêu cầu không yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả. Bị đơn chị H2, anh D vắng mặt.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của bị đơn anh D có cơ sở xác định chị H2, anh D có mượn tiền của chị H1. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị H1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc chị H2, anh D trả cho chị H1 số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị H1 kiện chị H2, anh D tranh chấp về tiền vay đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị H1 kiện yêu cầu chị H2, anh D trả số tiền mượn chưa trả. Xét thấy mặc dù nguyên đơn khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất. Tuy nhiên tại Điều 494 Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng mượn tài sản..., bên

mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn...” Như vậy theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự hợp đồng mượn tài sản bên mượn tài sản phải trả lại đúng tài sản đã mượn.

Tại Điều 463 Hợp đồng vay tài sản Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng vay tài sản..., khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi khi có thỏa thuận...”

Tài sản các bên giao dịch trong vụ án này là tiền và theo lời khai các bên khi giao trả thì trả tài sản cùng loại là tiền theo giá trị tương đương và không có lãi. Do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Chị H2, anh D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị H1 khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H2, anh D.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai tại phiên tòa, chị H1 trình bày: Vào năm 2022 chị H2, anh D có vay của chị H1 số tiền là 40.000.000 đồng, không lãi, vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 02/3/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 29/3/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng.

Thời hạn trả tiền là 03 tháng, nhưng đến nay chị H2, anh D chưa trả tiền,

Đồng thời cung cấp chứng cứ gồm “01 Giấy nợ đề ngày 02/3/2022” và “01 Giấy nợ đề ngày 29/3/2022”.

- Mặc dù anh D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo ý kiến của anh tại Tờ tự khai đề ngày 06/7/2023, anh chỉ đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 29/3/2022, còn lại số tiền 20.000.000 đồng theo giấy nợ trước anh không đồng ý vì cho rằng không biết.

[2.1]. Về chứng cứ:

- Xét thấy các chứng cứ chị H1 cung cấp là “01 Giấy nợ đề ngày 02/3/2022” và “01 Giấy nợ đề ngày 29/3/2022” theo nội dung 02 giấy nợ chị H1 cung cấp nội dung thể hiện chị H2 là người mượn tiền và anh D cùng ký tên,

Do vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi giữa chị Nguyễn Thị Thu H1 với chị Trần Thị Bích H2 và anh Lê Công D thực tế phát sinh theo quy định tại các Điều 463, 470 Bộ luật dân sự.

Xét lời anh D khai anh chỉ là người chứng kiến và chỉ đồng ý cùng chị H2 trả số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên theo các chứng cứ chị H1 cung cấp là “01 Giấy nợ đề ngày 02/3/2022” và “01 Giấy nợ đề ngày 29/3/2022” mặc dù theo nội dung giấy nợ chỉ thể hiện chị H2 là người mượn tiền, nhưng nơi người mượn tiền thì có anh Lê Công D cùng ký và ghi họ và tên với chị H2. Anh D không có chứng cứ

chứng minh anh chỉ là người chứng kiến như lời anh khai, nên không chấp nhận lời khai này của anh D.

Chị H2, anh D là bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc chị H1 khởi kiện nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời chị H2 cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị H1 khởi kiện, xem như chị H2, anh D đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị H1 là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 466, 468, 357, 280, 288 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H1. Buộc chị H2, anh D liên đới trả cho chị H1 số tiền số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả:

Tại phiên tòa, chị H1 rút một phần yêu cầu không yêu cầu chị H2, anh D trả tiền lãi suất chậm trả là tự nguyện phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả của chị H1.

[3]. **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận đề nghị của luật sư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 280, Điều 288 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H1.

- Buộc chị Trần Thị Bích H2 và anh Lê Công D liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Bích H2 và anh Lê Công D liên đới chịu 2.000.000 đồng.

- Hoàn lại chị Nguyễn Thị Thu H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.105.000 đồng theo biên lai thu số 0011043 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Chị Trần Thị Bích H2 và anh Lê Công D được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn